TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2019/DS-ST
Ngày 06/12/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Khiết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lãnh Văn Việt.
2. Ông Nguyễn Tất Bẩy.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 06/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2019/TLST-DS ngày 26/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST – DS ngày 01/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 105A/2019/QĐST-DS ngày 18/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Thanh H, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 817 đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Bích L, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 09 đường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Đào Thuý H, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thương H, sinh năm 1991 (Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 817 đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Đắc Vũ, sinh năm 1987 (Có mặt).

HKTT: Cụm 2 phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là ông Cao Thanh H trình bày:

Ông là cán bộ tín dụng Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ. Bà Đào Thuý H là khách hàng hay vay tiền tại Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ. Do có mối quan hệ quen biết và tin cậy, tháng 10/2016 Bà H có đặt vấn đề vay ông một khoản tiền để sử dụng vào

mục đích cá nhân. Do nể nang và tin theo lời cam kết và khả năng trả nợ của Bà H nên vào ngày 05/10/2016, tại trụ sở Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ – Chi nhánh B tại số 151 đường H, thành phố B, ông đã đồng ý cho Bà H vay số tiền 723.000.000 đồng. Khi nhận tiền hai bên có lập Giấy vay tiền làm bằng chứng. Khi đó, Bà H đã tự tay viết các nội dung về số tiền vay, ngày trả nợ, số tiền vay đã nhận đủ là 723.000.000 đồng và ký nhận trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Đắc Vũ, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Nghĩa Hạ, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Khoản tiền cho Bà H vay là tiền riêng của vợ chồng ông, không liên quan gì đến Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ – Chi nhánh B. Về lãi suất, khi vay Bà H tự nguyện thoả thuận trả lãi theo lãi suất là 12%/năm nhưng các bên thống nhất chỉ ghi trong Giấy vay tiền là "Lãi suất theo thoả thuận của hai bên". Về thời hạn vay, Bà H cam kết sẽ thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi vay trước ngày 30/12/2017. Ngoài ra, khi vay Bà H có đưa cho ông giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 182818 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 31/8/2010 mang tên Đào Thuý Hằng đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 15, diện tích 98 m^2 tại Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán nợ. Tuy nhiên, do việc thế chấp không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên ông không đề nghị Toà án giải quyết vấn đề thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Sau này, khi Bà H trả lại cho ông đủ tiền vay gốc và tiền lãi thì ông sẽ trả lại cho Bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ thời điểm hết hạn trả nợ đến nay, Bà H chưa thanh toán cho ông một đồng tiền nợ gốc và tiền lãi nào, do vậy ông đề nghị Toà án buộc Bà H phải trả cho vợ chồng ông khoản tiền sau:

- Khoản tiền nợ gốc là 723.000.000 đồng.
- Tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 12%/năm trên khoản nợ gốc 723.000.000 đồng tính từ ngày 05/10/2016 đến ngày 30/12/2017.
- Tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất 150%x12%/năm trên khoản nợ gốc 723.000.000 đồng tính từ ngày 31/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là Bà Đào Thuý H trình bày:

Trước năm 2015, gia đình bà có vay một số Ngân hàng để kinh doanh, trong đó có Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ. Lúc đó, ông H là cán bộ Ngân hàng và làm hồ sơ cho gia đình bà vay số tiền đó. Đến tháng 08/2015 Âm lịch thì chồng bà là Nguyễn Bá Tuấn qua đời. Ngân hàng có tiến hành thu hồi khoản nợ của gia đình bà do chồng bà là chủ hộ kinh doanh đứng lên vay. Trong quá trình làm hồ sơ, có sự sai sót nhất định từ Ngân hàng và các bên liên quan nên Giám đốc Ngân hàng có mời bà lên làm việc và thương thảo. Sau đó, để không bị ảnh hưởng tới sai sót của Ngân hàng, cuối cùng các bên thống nhất là Ngân hàng để ông H đứng lên trả số tiền trên vào Ngân hàng, sau đó sẽ trao sổ đỏ đất và nhà của của gia đình bà cho ông H cầm. Bản thân bà không được nhận số tiền 723.000.000 đồng mà do Ngân hàng tự nộp vào để tất toán. Khi bà ký vào bản Ngân hàng thống nhất giao cho ông H đứng tên cho bà vay 723.000.000 đồng là lúc tinh thần bà không ổn định, vì chồng bà mới mất, cộng thêm áp lực công việc. Sau khi ký kết xong thì ông H không hề liên lạc với bà để thống nhất về việc thanh toán công nợ trên. Số tiền lãi mà ông H yêu cầu như theo thông báo thụ lý của Toà án thì bà không đồng ý trả vì số tiền trên bà

không dùng vào mục đích kinh doanh mà Ngân hàng tự đóng vào để hoàn thiện những sai sót từ phía Ngân hàng. Đối với số tiền nợ gốc, thì bà và Ngân hàng sẽ cùng kết hợp bán tài sản để thanh toán số tiền này.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thương H trình bày:

Bà là vợ của ông Cao Thanh H. Bà xác định số tiền ông H cho Bà H vay là số tiền của vợ chồng bà. Trước khi ông H khởi kiện đã có sự bàn bạc và thống nhất ý kiến với bà. Nay bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và đề nghị Toà án xem xét chấp nhận. Ngoài ra, vì lý do công việc, bà xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên họp, phiên hoà giải cũng như các phiên toà xét xử trong vụ án và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt bà.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người làm chứng là ông Nguyễn Đắc Vũ có lời khai xác định:

Ông với ông Cao Thanh H là đồng nghiệp, làm cùng nhau tại Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ - Chi nhánh B. Ông không biết rõ Bà Đào Thuý H là ai, ông không có quan hệ gì với Bà H cũng như không có mâu thuẫn gì với Bà H. Ngày 05/10/2016, khi ông đang làm việc tại cơ quan, ở địa chỉ: 151 đường H, thành phố B thì ông H và Bà H có nhờ ông ra chứng kiến việc ông H cho Bà H vay số tiền là 723.000.000 đồng. Ông đã được chứng kiến sự việc trên, Bà H đã nhận đủ số tiền vay từ ông H và ký vào giấy vay tiền. Sau đó, ông cũng ký vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng. Còn việc Bà H và ông H cho nhau vay tiền để làm gì, tại sao lại cho nhau vay tiền, thoả thuận lãi suất, thời hạn trả như thế nào thì ông không biết rõ. Ngoài ra, sau này Bà H và ông H giao dịch tiếp với nhau như thế nào thì ông cũng không biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng Bà H đều vắng mặt. Tại phiên toà ngày 18/11/2019, Bà H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà và ấn định thời gian mở lại phiên toà xét xử vào ngày 06/12/2019.

Tại phiên toà ngày 06/12/2019: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người làm chứng giữ nguyên lời khai. Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn thì đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu Toà án không áp dụng mức lãi suất 12%/năm để tính tiền lãi mà căn cứ theo quy định của pháp luật để xác định mức lãi suất phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử; Xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Bà Đào Thuý H phải trả cho ông Cao Thanh H và bà Nguyễn Thương H số tiền nợ gốc là 723.000.000 đồng. Buộc Bà Đào Thuý H phải trả cho ông Cao Thanh H và bà

Nguyễn Thương H số tiền lãi trên nợ gốc và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Bà Đào Thuý H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Cao Thanh H và Bà Đào Thuý H là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 04/10/2018. Ngày 12/12/2018, Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang thông báo việc thụ lý giải quyết vụ án theo yêu cầu của ông Cao Thanh H. Ngày 12/3/2019, Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang ban hành Quyết định chuyển vụ án số 01/2019/QĐST-DS để chuyển vụ án dân sự thụ lý số 321/2018/TLST-DS ngày 12/12/2018 tại Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang cho Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết theo thẩm quyền do bị đơn là Bà Đào Thuý H hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Do vậy, Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là Bà H đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huyền vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với Bà H, bà Huyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, pháp luật áp dụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và không đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự. Giao dịch vay tài sản giữa các bên được xác lập vào ngày 05/10/2016 tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nhưng đến nay các bên chưa thực hiện xong và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 05/10/2016 mà nguyên đơn cung cấp thì thấy: Có nội dung thể hiện việc Bà H vay ông H số tiền 723.000.000 đồng; Lãi suất theo thoả thuận; Thời hạn thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi là trước ngày 30/12/2017. Tại giấy vay tiền có chữ ký "Đào Thuý H" tại phần "Bên vay" và có chữ ký "Cao Thanh H" tại phần "Bên cho vay". Hình thức và nội dung thỏa thuận tại Giấy vay tiền này hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Bà H cho rằng việc bà ký vào giấy vay tiền đề ngày 05/10/2016 trong hoàn cảnh tinh thần của bà không ổn định và việc vay số tiền 723.000.000 đồng chỉ là để Ngân hàng nơi ông H làm việc tự

đóng tiền vào hoàn thiện những sai sót từ phía Ngân hàng, chứ bà không được nhận tiền. Tuy nhiên, ông H không chấp nhận lời trình bày này của Bà H và tại hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu nào chứng minh cho lời trình bày này nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày như trên của Bà H.

Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định, ông H và Bà H có thỏa thuận và giao kết nội dung vay tiền theo giấy vay tiền ngày 05/10/2016, giao dịch vay tiền giữa ông H và Bà H có đủ điều kiện có hiệu lực theo Điều 117 Bộ luật dân sự 2015.

Giao dịch vay tiền giữa các bên là vay có kỳ hạn và có thoả thuận lãi suất. Bên vay phải thanh toán cho bên cho vay số tiền vay theo đúng hạn đã thỏa thuận. Theo giấy vay tiền ngày 05/10/2016, thì ngày 30/12/2017 là ngày cuối cùng Bà H phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận nhưng đến nay Bà H vẫn chưa thanh toán được toàn bộ số nợ đã vay. Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 723.000.000 đồng cho Bà H vay thì ông H và bà Huyền đều xác nhận là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc Bà H phải trả ông H, bà Huyền số tiền nợ gốc là 723.000.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi:

Tại giấy vay tiền đề ngày 05/10/2016, các bên có thoả thuận về lãi suất nên yêu cầu về thanh toán tiền lãi trên nợ gốc, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đối với tiền lãi trên nợ gốc:

Tại giấy vay tiền đề ngày 05/10/2016 thì các bên không xác định mức lãi suất cụ thể mà chỉ ghi nội dung lãi suất theo thoả thuận của hai bên. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu Toà án xác định lại mức lãi suất để áp dụng cho phù hợp. Do vậy, cần xác định lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật để làm căn cứ áp dụng.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất trong vụ án được xác định lại như sau: Đối với khoảng thời gian từ ngày 05/10/2016 đến ngày 31/12/2016 thì áp dụng mức lãi suất là 9%/năm (Lãi suất theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Đối với khoảng thời gian từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/12/2017 thì áp dụng mức lãi suất là 10%/năm (Lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

Theo đó, tiền lãi trên nợ gốc được tính như sau:

(1) Tiền lãi từ ngày 05/10/2016 đến ngày 31/12/2016 là: (723.000.000 x 0,75% x 2 tháng) + (723.000.000 x 0,025% x 26 ngày) = 15.544.500 đồng.

(2) Tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/12/2017 là: (723.000.000 x 0,83% x 11 tháng) + (723.000.000 x 0,025% x 26 ngày) = 71.670.990 đồng.

Tổng số tiền lãi trên nợ gốc là: (1) + (2) = 87.215.490 đồng.

- Đối với tiền lãi trên nợ gốc quá hạn:

Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán

Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn được xác định bằng 150% mức lãi suất 10%/năm, tương đương 15%/năm (1,25%/tháng).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 31/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo đó, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn được tính như sau: (723.000.000 x 1,25% x 23 tháng) + (723.000.000 x 0,041% x 6 ngày) = 209.641.080 đồng.

[4] Vấn đề khác có liên quan: Đối với nội dung giao và nhận bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 182818 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 31/8/2010 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tại Giấy vay tiền đề ngày 05/10/2016 thì đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 105; Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466; Điều 470; Khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc Bà Đào Thuý H có nghĩa vụ trả ông Cao Thanh H và bà Nguyễn Thương H tổng số tiền là 1.019.856.570 đồng (Một tỷ, không trăm mười chín triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi đồng) theo thoả thuận tại Giấy vay tiền đề ngày 05/10/2016; Trong đó:

- Số tiền nợ gốc là 723.000.000 đồng.
- Số tiền lãi trên nợ gốc là: 87.215.490 đồng.
- Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính đến ngày 06/12/2019 là: 209.641.080 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Bà Đào Thuý H phải chịu 42.587.597 đồng (Bốn hai triệu, năm trăm tám bảy nghìn, năm trăm chín bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại ông Cao Thanh H số tiền tạm ứng án phí 20.053.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang theo biên lai số AA/2012/07192 ngày 12/12/2018.

5. Về quyền kháng cáo: Ông H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H, bà Huyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang;
- VKS h. Lục Ngạn;
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Văn Khiết